

Số: 22/2016/CV-TGD-BSI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

- Mã chứng khoán:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (08) 3914 2929 Fax: (08) 3914 3435

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Huỳnh Văn Tốt**

- Địa chỉ thường trú: 26 Yersin, phường Vạn Thắng, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

- Điện thoại di động: 0983 377 072

- Điện thoại cơ quan: (08) 3914 2929 - Ext: 919

- Fax: (08) 3914 3435

- Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty CPCK BETA Công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

- Ngày ký ban hành: 29/03/2015

- Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – CN tại Tp. HCM

- Ý kiến kiểm toán viên: Chấp thuận có hạn chế

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2015 tại đường dẫn <http://www.bsi.com.vn/InvestorRelations.aspx> hoặc Quý Cơ quan đăng nhập vào trang web www.bsi.com.vn vào mục Quan hệ nhà đầu tư/Thông tin tài chính/Năm 2015/Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 hoặc Quan hệ nhà đầu tư/Thông tin tài chính/Năm 2015/Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 đã kiểm toán.

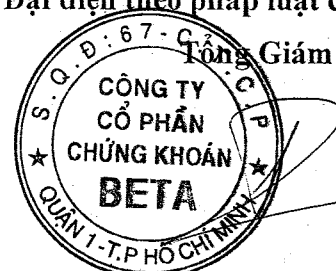
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2015 đã được kiểm toán

- BCTLATTC năm 2015 đã được kiểm toán.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp



Huỳnh Văn Tốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/07/2015

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

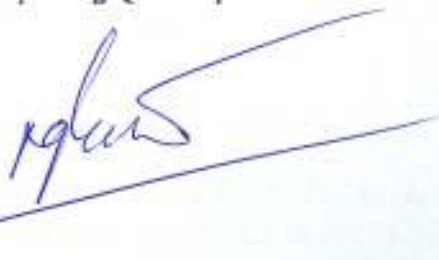
CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Cựu

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Tốt

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 trình bày từ trang 06 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán, số dư đầu tư dài hạn khác (Mã số 258) với số tiền là 20.315.625.000 đồng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với các bên có liên quan. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục đầu tư này cũng như những ảnh hưởng có liên quan đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 37.315.625.000 đồng. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc cao hơn mệnh giá số tiền 12.796.875.000 đồng chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá. Tại ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các thông tin so sánh cần thiết và Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư liên quan đến khoản đầu tư dài hạn với số tiền 37.315.625.000 đồng. Do đó, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét trích lập dự phòng của các khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Đồng thời chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá về hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

Hạn chế do vấn đề về tuân thủ quy định pháp luật

Tại 31/12/2015, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 52.062.688.361 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB số tiền là 148.200.000.000 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 148.200.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 8.059.932.461 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 192.202.755.900 đồng, chiếm 50,49% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2015. Bên cạnh đó, Công ty có doanh thu phát sinh trong năm liên quan đến hoạt động ủy thác đầu tư là 15.689.443.096 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán ("Thông tư 210"), các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		334.058.697.546	365.699.073.644
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.136.605.714	44.887.786.511
Tiền	111		16.136.605.714	44.887.786.511
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	100.682.933.600	56.295.456.975
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	112.521.167.629	65.905.781.794
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(11.838.234.029)	(9.610.324.819)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	205.531.193.741	263.071.256.222
Phải thu của khách hàng	131		187.750.000	286.000.000
Trả trước cho người bán	132		10.276.180.000	2.202.164.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	46.755.147.074	70.100.186.220
Các khoản phải thu khác	138		176.860.042.717	215.655.507.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(28.547.926.050)	(25.172.601.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.707.964.491	1.444.573.936
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		180.599.688	253.339.133
Tài sản ngắn hạn khác	158		11.527.364.803	1.191.234.803
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.958.184.291	127.871.029.986
Tài sản cố định	220		5.936.238.823	3.080.457.966
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.599.762.991	2.568.851.970
- Nguyên giá	222		18.379.151.117	18.379.151.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.779.388.126)	(15.810.299.147)
Tài sản cố định vô hình	227	10	4.336.475.832	511.605.996
- Nguyên giá	228		9.196.320.821	4.734.660.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.859.844.989)	(4.223.054.825)
Bất động sản đầu tư	240	11	-	1.464.507.500
- Nguyên giá	241		-	3.514.818.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(2.050.310.500)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	79.556.384.701	114.610.087.321
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	5.821.000.000	11.519.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	74.455.125.000	103.455.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(719.740.299)	(364.037.679)
Tài sản dài hạn khác	260		8.465.560.767	8.715.977.199
Chi phí trả trước dài hạn	261		468.025.965	852.540.157
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	3.197.534.802	3.013.437.042
Tài sản dài hạn khác	268	8	4.800.000.000	4.850.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		428.016.881.837	493.570.103.630

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		47.378.669.127	121.529.719.531
Nợ ngắn hạn	310		47.378.669.127	121.529.719.531
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	36.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả người bán	312		986.494.000	83.160.388
Người mua trả tiền trước	313		236.750.000	21.553.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	97.065.460	106.567.144
Phải trả người lao động	315		416.625.000	431.675.000
Chi phí phải trả	316	14	65.300.000	58.972.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	7.111.199.028	4.071.724.184
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	2.211.270.249	14.799.446.043
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.443.500	22.800
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		249.521.890	424.651.750
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		380.638.212.710	372.040.384.099
Vốn chủ sở hữu	410	17	380.638.212.710	372.040.384.099
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.806.058.547)	(30.403.887.158)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		428.016.881.837	493.570.103.630

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004	1.037.935.347	1.037.935.347
Chứng khoán lưu ký	006	3.057.290.540.000	1.251.918.250.000
Trong đó:			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	<i>007</i>	<i>1.185.488.060.000</i>	<i>591.530.820.000</i>
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	38.413.450.000	5.430.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	1.145.844.120.000	590.426.960.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.230.490.000	1.098.430.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>012</i>	<i>100.000.000</i>	<i>201.160.000</i>
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	100.000.000	201.160.000
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	<i>017</i>	<i>1.268.421.880.000</i>	<i>562.876.530.000</i>
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	14.753.810.000	27.408.940.000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.253.668.070.000	535.467.590.000
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	<i>022</i>	<i>434.468.970.000</i>	-
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	434.468.970.000	-
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>027</i>	<i>1.331.800.000</i>	<i>5.127.390.000</i>
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	4.203.990.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	1.331.800.000	923.400.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	<i>032</i>	-	-
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	<i>037</i>	<i>70.674.690.000</i>	<i>137.370.000</i>
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	2.118.280.000	-
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	68.544.160.000	137.370.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	12.250.000	-
<i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	<i>042</i>	<i>96.805.140.000</i>	<i>92.044.980.000</i>
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	96.805.140.000	92.044.980.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	15.042.440.000	14.685.620.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	051	14.960.680.000	14.685.620.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	90.000	40.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	14.960.590.000	14.685.580.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	81.760.000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	81.760.000	-



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu	01	18	63.652.462.389	26.815.669.075
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.550.494.174	3.870.983.569
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.640.836.872	1.956.362.749
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.071.804.320	317.542.792
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		829.597.825	341.761.994
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		27.272.727	-
Doanh thu khác	01.9		49.532.456.471	20.329.017.971
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		63.652.462.389	26.815.669.075
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14		63.652.462.389	26.815.669.075
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	40.570.915.972	25.816.456.928
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		23.081.546.417	999.212.147
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	15.005.428.330	14.767.511.993
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.076.118.087	(13.768.299.846)
Thu nhập khác	31	21	1.900.002.140	585.606.716
Chi phí khác	32	22	1.378.291.616	771.348.977
Lợi nhuận khác	40		521.710.524	(185.742.261)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.597.828.611	(13.954.042.107)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.597.828.611	(13.954.042.107)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		215	(349)



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		8.597.828.611	(13.954.042.107)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		1.693.749.593	2.333.708.437
Các khoản dự phòng	03		5.958.936.880	(6.867.029.111)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(22.079.305.592)	(1.968.111.759)
Chi phí lãi vay	06		5.328.744.201	26.375.797.488
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(500.046.307)	5.920.322.948
Tăng các khoản phải thu	09		43.505.626.338	318.695.341.460
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11		(33.034.374.182)	29.237.920.560
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12		457.253.637	(654.015.109)
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.322.416.423)	(26.375.797.488)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.000.000	13.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(1.802.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.156.043.063	325.034.022.371
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.584.664.000)	(1.188.604.118)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		2.151.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(99.840.002.000)	(36.745.522.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		118.922.616.165	72.975.617.204
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.443.825.975	2.207.362.749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.092.776.140	37.248.853.835
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		114.000.000.000	80.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(158.000.000.000)	(436.561.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.000.000.000)	(356.561.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.751.180.797)	5.721.876.206
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.887.786.511	39.165.910.305
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	16.136.605.714	44.887.786.511



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Tại 01/01/2014	Tại 01/01/2015	Năm 2014		Năm 2015		Tại 31/12/2014	Tại 31/12/2015
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn chủ sở hữu									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		1.786.350.257	1.786.350.257	-	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính		657.921.000	-	-	657.921.000	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		657.921.000	657.921.000	-	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.2	(16.447.095.051)	(30.403.887.158)	-	13.956.792.107	8.597.828.611	-	(30.403.887.158)	(21.806.058.547)
		386.655.097.206	372.040.384.099	-	14.614.713.107	8.597.828.611	-	372.040.384.099	380.638.212.710



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên trong năm 2015 của Công ty là 42 người (năm 2014 là 48 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC), Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 về việc hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 162/2010/TT-BTC, tuy nhiên Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016. Do đó, Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 162/2010/TT-BTC cho việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai trên 12 tháng, Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ. Cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập là cuối kỳ kế toán khi lập báo cáo tài chính quý, năm. Đây là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị chứng khoán thực tế trên thị trường của chúng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập. Cụ thể: Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau: Giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thực tế của chứng khoán thì Công ty không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như Công ty Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Công ty áp dụng quy định tại Điều 8 Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ. Theo đó, thời điểm Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn là cuối kỳ kế toán khi lập báo cáo tài chính năm và việc trích lập được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Trường hợp đánh giá các khoản công nợ có thể thu hồi được Công ty tiếp tục gia hạn nợ và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố hiệu lực từ ngày 10/06/2013. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công. Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu từ hợp đồng ủy thác cho các cá nhân bên ngoài đầu tư

Doanh thu được ghi nhận khi kết thúc hợp đồng ủy thác, các bên xác nhận khoản lợi nhuận phải trả cho Công ty trong thời gian ủy thác đầu tư.

3.10 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Thông tư số 219/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 áp dụng từ ngày 01/01/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC; và Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 áp dụng từ ngày 01/09/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo các Thông tư này thì hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 22%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	663.589.418	552.304.220
Tiền gửi ngân hàng	15.473.016.296	44.335.482.291
Trong đó:		
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	9.871.937.377	41.760.327.079
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	5.601.078.919	2.575.155.212
Cộng	16.136.605.714	44.887.786.511

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.682.933.600	56.295.456.975
Chứng khoán thương mại (5.3)	81.521.167.629	65.905.781.794
+ Chứng khoán niêm yết	81.520.308.363	65.905.730.994
+ Chứng khoán chưa niêm yết	859.266	50.800
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (5.3)	31.000.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kiên Long	31.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(11.838.234.029)	(9.610.324.819)
Đầu tư tài chính dài hạn	79.556.384.701	114.610.087.321
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	5.821.000.000	11.519.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	5.821.000.000	11.519.000.000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	74.455.125.000	103.455.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(719.740.299)	(364.037.679)
Cộng	180.239.318.301	170.905.544.296

5.1 CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(11.838.234.029)	(9.610.324.819)
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(719.740.299)	(364.037.679)
Cộng	(12.557.974.328)	(9.974.362.498)

5.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Các giao dịch của công ty chứng khoán	9.373.081	134.124.999.300
Cổ phiếu	9.373.081	134.124.999.300
Các giao dịch của nhà đầu tư	326.087.924	4.290.910.900.700
Cổ phiếu	326.087.924	4.290.910.900.700
Cộng	335.461.005	4.425.035.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị tương so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Tại 31/12/2015 CP	Tại 01/01/2015 CP	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND	Tăng		Giảm		Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
					Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND		
I. Chứng khoán thương mại	5.528.563	3.161.840	81.521.167.629	65.905.781.794	2.057.000	2.375.224	(11.838.234.029)	(9.610.324.819)	69.684.990.600	49.346.015.500
Chứng khoán niêm yết	5.528.522	3.161.804	81.520.308.363	65.904.966.528	2.057.000	2.375.224	(11.837.546.563)	(9.609.679.153)	69.684.818.800	49.345.845.900
Sàn GDCK Hà Nội	267	250	3.178.700	3.178.700	437.300	602.200	(990.400)	(498.900)	2.625.600	3.282.000
MAC	97	97	907.300	907.300	120.900	208.200	-	-	1.028.200	1.115.500
NGC	33	20	314.000	314.000	-	160.000	(33.500)	-	280.500	474.000
NHC	14	14	224.000	224.000	159.600	126.000	-	-	383.600	350.000
SSM	21	21	365.400	365.400	-	-	(77.700)	(102.900)	287.700	262.500
TPP	8	8	-	-	156.800	108.000	-	-	156.800	108.000
VCR	40	40	188.000	188.000	-	-	(88.000)	(56.000)	100.000	132.000
VE9	54	50	1.180.000	1.180.000	-	-	(791.200)	(340.000)	388.800	840.000
Sàn GDCK TP HCM	5.528.255	3.161.554	81.517.129.663	65.901.787.828	1.619.700	1.773.024	(11.836.556.163)	(9.609.180.253)	69.682.193.200	49.342.563.900
EIB	2.090.009	220.399	27.007.636.169	2.650.704.103	-	-	(3.599.535.369)	-	23.408.100.800	-
STB	3.358.989	2.940.894	52.062.688.361	63.245.581.110	-	-	(8.059.932.461)	(9.608.376.514)	44.002.755.900	49.336.092.000
HPG	30.017	12	984.519.363	321.500	-	314.500	(108.022.963)	-	876.496.400	636.000
REE	40.006	6	1.076.153.726	94.677	-	74.523	(68.002.526)	-	1.008.151.200	169.200
GMD	9.000	-	381.420.000	-	180.000	-	-	-	381.600.000	-
Cổ phiếu lẻ	234	243	4.712.044	5.086.438	1.439.700	1.384.001	(1.062.844)	(803.739)	5.088.900	5.666.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Tại 31/12/2015 CP	Tại 01/01/2015 CP	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND	Tăng		Giảm		Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
					Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND		
UPCOM	32	32	764.466	764.466	-	-	(592.666)	(594.866)	171.800	169.600
HBD	10	10	242.247	242.247	-	-	(90.247)	(112.247)	152.000	130.000
VSP	22	22	522.219	522.219	-	-	(502.419)	(482.619)	19.800	39.600
OTC	9	4	94.800	50.800	-	-	(94.800)	(50.800)	-	-
MCV	4	4	50.800	50.800	-	-	(50.800)	(50.800)	-	-
DCT	5	-	44.000	-	-	-	(44.000)	-	-	-
II. Đầu tư tài chính			31.000.000.000	-	-	-	-	-	31.000.000.000	-
ngắn hạn khác										
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Đồng Nai			31.000.000.000	-	-	-	-	-	31.000.000.000	-
III. Chứng khoán đầu tư	58,21	115,19	5.821.000.000	11.519.000.000	-	-	-	-	5.821.000.000	11.519.000.000
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	58,21	115,19	5.821.000.000	11.519.000.000	-	-	-	-	5.821.000.000	11.519.000.000
+ Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chứng chỉ quỹ	58,21	115,19	5.821.000.000	11.519.000.000	-	-	-	-	5.821.000.000	11.519.000.000
- Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	58,21	115,19	5.821.000.000	11.519.000.000	-	-	-	-	5.821.000.000	11.519.000.000
Cộng	5.528.621	3.161.955	118.342.167.629	77.424.781.794	2.057.000	2.375.224	(11.838.234.029)	(9.610.324.819)	106.505.990.600	60.865.015.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại	Tại	Tại	Tại
	31/12/2015 CP	01/01/2015 CP	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác	3.494.125	7.794.125	74.455.125.000	103.455.125.000
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP TMDV Đô Thành Tín	-	5.000.000	-	50.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	26.000	7.852.000.000	7.852.000.000
Cty CP Du lịch Tiến Lợi	700.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	3.494.125	7.794.125	74.455.125.000	103.455.125.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chi tiêu	Tại 01/01/2015			Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2015				
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số xử lý xóa nợ khó đòi	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	286.000.000	-	-	1.496.750.000	1.595.000.000	187.750.000	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	2.202.164.000	-	-	33.223.654.140	25.149.638.140	10.276.180.000	-	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	70.100.186.220	-	-	1.585.586.908.404	1.608.931.947.550	46.755.147.074	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	70.100.186.220	-	-	1.585.586.908.404	1.608.931.947.550	46.755.147.074	-	-	-	-
4. Phải thu khác	215.655.507.002	-	28.547.926.050	116.676.667	38.912.140.952	176.860.042.717	-	1.037.935.347	28.547.926.050	28.547.926.050
- HD HTDT chứng khoán niêm yết	12.936.580.500	-	12.936.580.500	-	-	12.936.580.500	-	1.037.935.347	12.936.580.500	12.936.580.500
- HD HTDT CK chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- HD ủy thác đầu tư (1)	187.026.536.494	-	-	-	38.826.536.494	148.200.000.000	-	-	-	-
- Phải thu khác của nhà đầu tư (2)	15.611.345.550	-	15.611.345.550	-	-	15.611.345.550	-	-	15.611.345.550	15.611.345.550
- Phải thu khác	81.044.458	-	-	116.676.667	85.604.458	112.116.667	-	-	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.172.601.000)	-	-	(3.375.325.050)	-	(28.547.926.050)	-	-	-	-
Cộng	263.071.256.222	-	28.547.926.050	1.617.048.664.161	1.674.588.726.642	205.531.193.741	-	1.037.935.347	28.547.926.050	28.547.926.050

(1) Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư, trong đó Công ty cung cấp vốn và hưởng lãi suất cố định với tài sản đảm bảo là 25.769.949 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín). Số dư phải thu được đảm bảo bằng cổ phiếu STB có giá trị là 148.200.000.000 đồng.

(2) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP)

6.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải thu phí bán của khách hàng	1.914.033	9.702.878
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	1.098.054.108	4.846.892.322
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	45.655.178.933	65.243.591.020
Cộng	46.755.147.074	70.100.186.220

6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	(25.172.601.000)	(25.529.782.572)
Số sử dụng trong năm	-	1.037.935.347
Số hoàn nhập/(trích lập) trong năm	(3.375.325.050)	(680.753.775)
Số dư cuối năm	(28.547.926.050)	(25.172.601.000)

7. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.255.680.520	2.250.397.707
Tiền lãi phân bổ	817.642.007	638.827.060
Cộng	3.197.534.802	3.013.437.042

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.800.000.000	4.850.000.000
Cộng	4.800.000.000	4.850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCD khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	5.814.034.824	4.535.854.203	2.632.562.877	5.396.699.213	18.379.151.117
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2015	<u>5.814.034.824</u>	<u>4.535.854.203</u>	<u>2.632.562.877</u>	<u>5.396.699.213</u>	<u>18.379.151.117</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại 01/01/2015	(3.899.403.953)	(4.525.951.145)	(2.163.421.944)	(5.221.522.105)	(15.810.299.147)
Trích khấu hao trong năm	(584.745.239)	(9.903.058)	(257.655.940)	(116.784.742)	(969.088.979)
Tại 31/12/2015	<u>(4.484.149.192)</u>	<u>(4.535.854.203)</u>	<u>(2.421.077.884)</u>	<u>(5.338.306.847)</u>	<u>(16.779.388.126)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	<u>1.914.630.871</u>	<u>9.903.058</u>	<u>469.140.933</u>	<u>175.177.108</u>	<u>2.568.851.970</u>
Tại 31/12/2015	<u>1.329.885.632</u>	<u>-</u>	<u>211.484.993</u>	<u>58.392.366</u>	<u>1.599.762.991</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015: 10.713.364.469 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2015	4.318.308.840	168.955.500	247.396.481	4.734.660.821
Mua trong năm	4.461.660.000	-	-	4.461.660.000
Tại 31/12/2015	<u>8.779.968.840</u>	<u>168.955.500</u>	<u>247.396.481</u>	<u>9.196.320.821</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2015	(3.806.702.844)	(168.955.500)	(247.396.481)	(4.223.054.825)
Trích khấu hao trong năm	(636.790.164)	-	-	(636.790.164)
Tại 31/12/2015	<u>(4.443.493.008)</u>	<u>(168.955.500)</u>	<u>(247.396.481)</u>	<u>(4.859.844.989)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	<u>511.605.996</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>511.605.996</u>
Tại 31/12/2015	<u>4.336.475.832</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.336.475.832</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 4.268.040.821 đồng.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2015	3.514.818.000	3.514.818.000
- Thanh lý, nhượng bán	(3.514.818.000)	(3.514.818.000)
Tại 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2015	(2.050.310.500)	(2.050.310.500)
- Trích khấu hao trong năm	(87.870.450)	(87.870.450)
- Thanh lý, nhượng bán	2.138.180.950	2.138.180.950
Tại 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	<u>1.464.507.500</u>	<u>1.464.507.500</u>
Tại 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đầu tư của Công ty vào Căn hộ Hoàng Anh Gia Lai số tiền 3.514.818.000 đồng, giá trị đầu tư này phát sinh từ năm 2009. Trong tháng 11 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng căn hộ này với doanh thu được ghi nhận trong năm là 1.900.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 01/01/2015 VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Tại 31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	80.000.000.000	114.000.000.000	158.000.000.000	36.000.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng	80.000.000.000	114.000.000.000	158.000.000.000	36.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (*)	80.000.000.000	89.000.000.000	133.000.000.000	36.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Việt	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	80.000.000.000	114.000.000.000	158.000.000.000	36.000.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02.HDHMTD ký ngày 26/12/2014 với tổng hạn mức là 80.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng từ ngày 26/12/2014 đến 26/12/2015. Lãi suất vay và thời hạn vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Thuế GTGT	69.457.747	10.144.967
Thuế Thu nhập cá nhân	27.607.713	96.422.177
Cộng	97.065.460	106.567.144

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Trích trước chi phí lãi vay	65.300.000	58.972.222
Cộng	65.300.000	58.972.222

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Kinh phí công đoàn	35.286.212	30.168.972
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.474.833.897	1.466.400.000
<i>Phải trả cổ tức công ty BETA</i>	<i>1.466.400.000</i>	<i>1.466.400.000</i>
<i>Khác</i>	<i>8.438.897</i>	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.601.078.919	2.575.155.212
Cộng	7.111.199.028	4.071.724.184

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	10.521.480	62.263.514
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	127.350.769	54.438.829
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	2.073.398.000	14.682.743.700
Cộng	2.211.270.249	14.799.446.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Theo đăng ký kinh doanh		Tại 31/12/2015
	Số vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	92.126.050.000	23,03%	92.126.050.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18,46%	73.843.300.000
Ông Nguyễn Hữu Đức	45.000.000.000	11,25%	45.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9,21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6,48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	52.255.650.000	13,06%	52.255.650.000
Cộng	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

17.2 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	Năm 2015 Số tăng/(giảm) VND	Năm 2014 Số tăng/(giảm) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng	-	-
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	8.597.828.611	(13.954.042.107)
Cộng	8.597.828.611	(13.954.042.107)

18. DOANH THU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.550.494.174	3.870.983.569
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.640.836.872	1.956.362.749
- Cổ tức nhận được	643.549.700	406.058
- Chênh lệch lãi bán khoán đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.997.287.172	1.955.956.691
Doanh thu lưu ký chứng khoán	829.597.825	341.761.994
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.071.804.320	317.542.792
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	27.272.727	-
Doanh thu khác (*)	49.532.456.471	20.329.017.971
Cộng	63.652.462.389	26.815.669.075

(*) Bao gồm doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu với số tiền là 23.904.012.850 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	3.297.020.796	920.698.214
Phí Lưu ký chứng khoán	1.221.972.979	662.217.590
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	3.323.998.337	1.246.493.895
Chi phí trả lãi tiền vay	5.328.744.201	26.434.769.710
Chi phí dự phòng	2.583.611.830	(7.547.782.886)
Chi phí tư vấn, môi giới	383.620.000	58.439.600
Chi phí khác (*)	24.431.947.829	4.041.620.805
Cộng	40.570.915.972	25.816.456.928

(*) Bao gồm chi phí liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu với số tiền là 21.170.799.073 đồng.

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.798.508.602	4.822.099.017
Chi phí vật liệu quản lý	86.360.250	139.196.430
Chi phí đồ dùng văn phòng	488.341.452	508.771.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.605.879.143	1.982.226.637
Thuế phí, lệ phí	4.988.000	4.800.000
Chi phí dự phòng	3.375.325.050	680.753.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.900.780.884	4.508.864.777
Chi phí bằng tiền khác	745.244.949	2.120.799.435
Cộng	15.005.428.330	14.767.511.993

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	251.000.000
Thu nhập từ nhượng bán BĐSĐT	1.900.000.000	-
Thu nhập khác	2.140	334.606.716
Cộng	1.900.002.140	585.606.716

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	238.885.990
Chi phí từ nhượng bán BĐSĐT	1.376.637.050	-
Phạt vi phạm hành chính	1.654.566	532.462.986
Chi phí khác	-	1
Cộng	1.378.291.616	771.348.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.597.828.611	(13.954.042.107)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.186.643.066	31.727.488.922
- Các khoản điều chỉnh tăng (*)	4.982.672.766	31.727.894.980
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.796.029.700)	(406.058)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.784.471.677	17.773.446.815
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.036.951.677	17.773.446.815
Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	(252.480.000)	-
Chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	(10.784.471.677)	(29.684.492.405)
Tổng thu nhập tính thuế	-	(11.911.045.590)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(*) Các chỉ tiêu này đã được trình bày lại theo Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 720/QĐ-CT-XP của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 01/03/2016 khi thực hiện thanh tra thuế tại Công ty cho các năm 2012, 2013 và năm 2014.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.136.605.714	44.887.786.511
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	100.682.933.600	56.295.456.975
Các khoản phải thu ngắn hạn	195.255.013.741	260.869.092.222
Đầu tư chứng khoán dài hạn	5.821.000.000	11.519.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	81.732.919.503	110.954.524.363
Cộng	399.628.472.558	484.525.860.071
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	36.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả người bán	986.494.000	83.160.388
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.211.270.249	14.799.446.043
Chi phí phải trả	65.300.000	58.972.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.080.356.316	4.041.578.012
Cộng	46.343.420.565	98.983.156.665
Trạng thái ròng	353.285.051.993	385.542.703.406

TÀI SẢN ĐÀM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02.HETDHHM ngày 26/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và Công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm: 7.339.719 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) trong đó:

- 1.740.894 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên sở hữu.
- 5.598.825 cổ phiếu STB do Bà Phạm Thị Ngọc Quyên đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 115.233.588.300 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân, tài sản thế chấp là 25.769.949 cổ phiếu mã STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Vay và nợ	-	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Phải trả người bán	986.494.000	-	-	986.494.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.211.270.249	-	-	2.211.270.249
Chi phí phải trả	-	65.300.000	-	65.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.080.356.316	-	-	7.080.356.316
Cộng	10.278.120.565	36.065.300.000	-	46.343.420.565
Tại 01/01/2015				
Vay và nợ	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000
Phải trả người bán	83.160.388	-	-	83.160.388
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.799.446.043	-	-	14.799.446.043
Chi phí phải trả	-	58.972.222	-	58.972.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.041.578.012	-	-	4.041.578.012
Cộng	18.924.184.443	80.058.972.222	-	98.983.156.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.136.605.714	-	-	16.136.605.714
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	100.682.933.600	-	-	100.682.933.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	195.255.013.741	-	-	195.255.013.741
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	5.821.000.000	5.821.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	7.997.534.802	-	73.735.384.701	81.732.919.503
Cộng	320.072.087.857	-	79.556.384.701	399.628.472.558
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.887.786.511	-	-	44.887.786.511
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	56.295.456.975	-	-	56.295.456.975
Các khoản phải thu ngắn hạn	260.869.092.222	-	-	260.869.092.222
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	7.863.437.042	-	103.091.087.321	110.954.524.363
Cộng	369.915.772.750	-	114.610.087.321	484.525.860.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015 VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, thành viên	Giá trị giao dịch bán chứng khoán	714.596.000
		Nhận trước tiền đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu	10.000.000.000
		Tạm ứng	30.901.293.803
		Hoàn ứng	19.740.876.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.761.500.000
		Hoàn ứng	3.428.584.803
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	70.000.000
		Hoàn ứng	70.000.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	5.068.569.443
		Trả nợ vay	133.000.000.000
		Nhận tiền vay	89.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu	21.170.799.073
		Nhận tiền đặt cọc	600.000.000.000
		Chuyển tiền đặt cọc	600.000.000.000
Công ty Cổ phần Him Lam	Giao dịch lớn	Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu	17.107.367.717
		Chuyển tiền đặt cọc	427.092.372.000
		Nhận tiền đặt cọc	427.092.372.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Việt Phú An	Giao dịch lớn	Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu	6.119.153.605
		Chuyển tiền đặt cọc	155.699.028.000
		Nhận tiền đặt cọc	155.699.028.000
Công ty CP Him Lam Thủ Đức	Giao dịch lớn	Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu	677.491.528
		Chuyển tiền đặt cọc	17.208.600.000
		Nhận tiền đặt cọc	17.208.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015 VND
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư Giá trị giao dịch bán chứng khoán	1.466.816.994 5.000.000.000 1.482.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư	25.300.000.000 5.689.443.096

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Khoản phải thu VND	Tại 31/12/2015 Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	36.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	32.300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng Ứng trước	11.510.417.803 10.000.000.000	- -
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	40.000.000.000	-
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	45.900.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	30.000.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	70.740.575
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.471.282.692	1.098.854.769
Ban Kiểm soát	-	-
Cộng	1.471.282.692	1.169.595.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

